

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ
TIẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 34
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100596523 ngày 04 tháng 11 năm 2003 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Quyết	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Hữu Trường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
	Ủy viên	
Ông Phan Thanh Nam	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Vũ Thịnh Vân	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Nam

Số: 233/2021/BCSX-AASCN.PB

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành được lập ngày 29 tháng 7 năm 2021, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt –

Chi nhánh Phía Bắc
Phó Giám đốc


Trần Thị Linh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist.1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

4

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		337.058.642.151	363.771.499.461
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.669.705.726	25.001.629.351
1.	Tiền	111	V.01	5.669.705.726	25.001.629.351
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.958.380.563	193.065.579.249
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	104.201.801.266	103.146.186.461
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	36.097.015.748	57.066.095.651
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	80.659.563.549	37.353.297.137
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	-	(4.500.000.000)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	110.281.719.377	145.343.038.082
1.	Hàng tồn kho	141		110.281.719.377	145.343.038.082
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		148.836.485	361.252.779
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	137.839.155	97.087.301
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.600.000	262.753.147
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1.397.330	1.412.331
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		215.885.769.361	151.571.084.562
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		6.000.000	6.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	6.000.000	6.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		61.232.353.419	62.535.929.469
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	28.105.271.373	29.408.847.423
	- Nguyên giá	222		39.539.248.928	39.539.248.928
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.433.977.555)	(10.130.401.505)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	33.127.082.046	33.127.082.046
	- Nguyên giá	228		33.127.082.046	33.127.082.046
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	65.600.428.752	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		65.600.428.752	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	89.016.870.000	89.016.870.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		88.916.870.000	88.916.870.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000.000	100.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		30.117.190	12.285.093
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	30.117.190	12.285.093
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		552.944.411.512	515.342.584.023

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		141.752.190.436	107.390.906.091
I.	Nợ ngắn hạn	310		129.172.190.436	93.240.906.091
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	298.517.020	3.567.064.200
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	127.748.972	29.331.984.849
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	74.324.639	146.394.720
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	75.390.779.897	6.811.132.637
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	50.886.922.720	50.990.432.497
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.393.897.188	2.393.897.188
II.	Nợ dài hạn	330		12.580.000.000	14.150.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	12.580.000.000	14.150.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.17	411.192.221.076	407.951.677.932
I.	Vốn chủ sở hữu	410		411.192.221.076	407.951.677.932
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.748.460.000	373.748.460.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.748.460.000	373.748.460.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		8.394.830.504	8.394.830.504
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.048.930.572	25.808.387.428
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		25.808.387.428	38.953.491.241
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.240.543.144	(13.145.103.813)
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		552.944.411.512	515.342.584.023

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huệ

Đào Vũ Thịnh Vân

Phan Thanh Nam



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	95.175.929.674	72.979.606.341
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.175.929.674	72.979.606.341
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	90.843.352.477	71.506.825.002
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.332.577.197	1.472.781.339
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.973.938	2.101.341.896
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	2.654.955.279	3.296.074.397
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.654.955.279	3.296.074.397
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	793.122.329	605.703.818
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	(2.351.318.383)	2.752.049.384
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.238.791.910	(3.079.704.364)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	2.000.003	898.766
12.	Chi phí khác	32	VI.06	248.769	68.089.991
13.	Lợi nhuận khác	40		1.751.234	(67.191.225)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.240.543.144	(3.146.895.589)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.240.543.144	(3.146.895.589)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	87	(84)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	87	(84)

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Huệ

Đào Vũ Thịnh Vân

Phan Thanh Nam



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		3.240.543.144	(3.146.895.589)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.303.576.050	1.303.576.050
-	Các khoản dự phòng	03		(4.500.000.000)	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.973.938)	(2.101.341.896)
-	Chi phí lãi vay	06		2.654.955.279	3.296.074.397
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		2.696.100.535	(648.587.038)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.139.633.166)	29.975.062.215
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		35.061.318.705	(3.349.030.858)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		36.181.188.842	(52.475.689.618)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(58.583.951)	34.263.593
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.801.349.999)	(3.274.009.698)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		47.939.040.966	(29.737.991.404)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(65.600.428.752)	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.973.938	2.101.341.896
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(65.597.454.814)	2.101.341.896

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		52.732.841.053	37.466.067.882
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.406.350.830)	(44.357.738.357)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.673.509.777)	(6.891.670.475)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.331.923.625)	(34.528.319.983)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.001.629.351	50.028.324.449
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.669.705.726	15.500.004.466

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Huệ



Đào Vũ Thịnh Vân



Phan Thanh Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 là kinh doanh vật liệu xây dựng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 21 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 21 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

Riêng đối với quyền sử dụng đất lâu dài không thực hiện tính khấu hao.

06. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí cho đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền	5.669.705.726	25.001.629.351
+ Tiền mặt	932.031.653	1.993.640.357
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.737.674.073	23.007.988.994
Cộng	5.669.705.726	25.001.629.351

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu phố Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
02. Các khoản đầu tư tài chính				
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
- Trái phiếu	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	% sở hữu	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết	Giá gốc
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào đơn vị khác				
+ Công ty Cổ phần Gạch	12,72	(*)	12,72	88.916.870.000
ngôi Kiên Giang				3.816.870.000
+ Công ty TNHH Đầu tư	19,00	(*)	19,00	45.600.000.000
và Phát triển Minh Văn				
Anh				
+ Công ty TNHH Dịch vụ	19,75	(*)	19,75	39.500.000.000
và Thương mại Baltic				
Cộng				88.916.870.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	104.201.801.266	103.146.186.461
- Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú Hưng Yên	11.290.231.265	12.990.231.265
- Công ty Cổ phần Đông Nam Á Việt Nam	3.681.400.000	11.681.400.000
- Công ty TNHH Một thành viên Thép Trọng Dương	52.182.000.000	39.089.000.000
- Công ty TNHH Thép Nguyên Khang	21.667.190.000	18.675.030.250
- Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam	11.430.000.000	13.429.278.720
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	3.950.980.001	7.281.246.226
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	104.201.801.266	103.146.186.461
Trong đó:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	1.540.000.000	-
Cộng	1.540.000.000	-

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	36.097.015.748	57.066.095.651
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại An Hưng	5.400.000.000	5.400.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Minh Anh	-	12.834.315.000
- Công ty Rượu Bia Nước giải khát Thái Bình Dương	11.316.000.000	11.316.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Minh Thành Đạt	7.700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú	-	6.032.995.654
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Văn Anh	8.320.000.000	12.039.199.997
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Red Ocean Việt Nam	1.201.541.614	9.073.000.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.159.474.134	370.585.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	36.097.015.748	57.066.095.651
Trong đó:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	8.320.000.000	18.072.195.651
Cộng	8.320.000.000	18.072.195.651

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	80.659.563.549	-	37.353.297.137	(4.500.000.000)
- Tạm ứng	4.547.498.619	-	3.147.779.740	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	45.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	31.112.064.930	-	34.205.517.397	(4.500.000.000)
+ Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam (**)	31.110.000.000	-	34.203.000.000	(4.500.000.000)
+ Các khoản phải thu khác	2.064.930	-	2.517.397	-
b. Dài hạn	6.000.000	-	6.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	6.000.000	-	6.000.000	-
Cộng	80.665.563.549	-	37.359.297.137	(4.500.000.000)

(*) Là khoản tiền đặt cọc để đặt mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú Hưng Yên theo hợp đồng đặt cọc số 07.06/HĐTP/TT-HY ngày 07 tháng 6 năm 2021.

(**) Là khoản phải thu theo biên bản làm việc ngày 04 tháng 01 năm 2020 về việc chấm dứt hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0301/15/HĐHTĐT ngày 03 tháng 01 năm 2015 để đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất rượu công suất 1,95 triệu lít/năm tại Khu công nghiệp Kim Bình, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền hợp tác kinh doanh này.

06. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam	-	-	34.203.000.000	29.703.000.000
Cộng	-	-	34.203.000.000	29.703.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	34.308.223.775	-
- Hàng hoá	110.281.719.377	-	111.034.814.307	-
Cộng	110.281.719.377	-	145.343.038.082	-

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		30.216.081.539	112.300.000	8.864.844.000	346.023.389	39.539.248.928
- Mua trong kỳ		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		30.216.081.539	112.300.000	8.864.844.000	346.023.389	39.539.248.928

II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		3.186.712.822	112.300.000	6.515.121.367	316.267.316	10.130.401.505
- Khấu hao trong kỳ		464.737.686	-	826.351.728	12.486.636	1.303.576.050
- Tăng khác		-	-	-	-	-
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		3.651.450.508	112.300.000	7.341.473.095	328.753.952	11.433.977.555

III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		27.029.368.717	-	2.349.722.633	29.756.073	29.408.847.423
2. Tại ngày cuối kỳ		26.564.631.031	-	1.523.370.905	17.269.437	28.105.271.373

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 914.577.635 đồng.
 Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 32.638.054.958 VND và 5.504.882.840 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	33.127.082.046	33.127.082.046
- Mua trong kỳ	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	33.127.082.046	33.127.082.046
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	33.127.082.046	33.127.082.046
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	33.127.082.046	33.127.082.046

Giá trị quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đất ở 21 Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và 81-83 đường số 11, Khu dân cư Him Lam 6A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

10. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Dự án tổ hợp siêu thị, văn phòng kết hợp nhà ở tại CT-8C khu đô thị Việt Hưng	65.600.428.752	-
Cộng	65.600.428.752	-

11. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	<i>137.839.155</i>	<i>97.087.301</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	31.500.001	-
- Các khoản khác	106.339.154	97.087.301
<i>b. Dài hạn</i>	<i>30.117.190</i>	<i>12.285.093</i>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	28.501.295	12.285.093
- Các khoản khác	1.615.895	-
Cộng	167.956.345	109.372.394

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	50.990.432.497	50.990.432.497	54.302.841.053	54.406.350.830	50.886.922.720	50.886.922.720
- Vay ngân hàng	47.850.432.497	47.850.432.497	52.732.841.053	52.836.350.830	47.746.922.720	47.746.922.720
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội ^(a)	27.120.562.800	27.120.562.800	27.032.875.491	27.153.438.291	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(b)	17.940.554.697	17.940.554.697	25.699.965.562	25.682.912.539	17.957.607.720	17.957.607.720
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Xuân Mai ^(c)	2.789.315.000	2.789.315.000	-	-	2.789.315.000	2.789.315.000
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.140.000.000	3.140.000.000	1.570.000.000	1.570.000.000	3.140.000.000	3.140.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(d)	3.140.000.000	3.140.000.000	1.570.000.000	1.570.000.000	3.140.000.000	3.140.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14.150.000.000	14.150.000.000	-	1.570.000.000	12.580.000.000	12.580.000.000
b.1. Vay dài hạn	14.150.000.000	14.150.000.000	-	1.570.000.000	12.580.000.000	12.580.000.000
- Vay ngân hàng	14.150.000.000	14.150.000.000	-	1.570.000.000	12.580.000.000	12.580.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(d)	14.150.000.000	14.150.000.000	-	1.570.000.000	12.580.000.000	12.580.000.000
Cộng	65.140.432.497	65.140.432.497	54.302.841.053	55.976.350.830	63.466.922.720	63.466.922.720

^(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/4642129/HĐTD ngày 25/9/2020. Hạn mức vay 30 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất trong kỳ 8.2%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2017/4642129/HĐBĐ số 01/2020/4642129/HĐBĐ ngày 22/9/2020.

^(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng cho vay hạn mức số 42/2020-HĐCVHM/NHCT324-TIENTHANH ngày 03/8/2020. Hạn mức 18 tỷ đồng. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7 -8%/năm Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp bất động sản số 34/2019/HĐBĐ/NHCT324-TIENTHANH ngày 26/6/2019.

^(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Xuân Mai theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HĐTD1402020310 ngày 30/11/2020. Hạn mức vay 3 tỷ đồng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất vay trong năm là 9 - 10,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1402019329/HĐTC-LPB.XM ngày 4/10/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

^(d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 14/2019-HDDCVDDADD/NHCT324-TIEN THANH ngày 27/5/2019. Hạn mức vay 22 tỷ đồng. Mục đích vay dùng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư sở văn phòng Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn vay 84 tháng. Lãi suất vay 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

13. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	298.517.020	298.517.020	3.567.064.200	3.567.064.200	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vật liệu Xây dựng Toàn Thắng	-	-	291.472.020	291.472.020	
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	7.045.000	7.045.000	2.491.069.625	2.491.069.625	
<i>b. Phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	784.522.555	784.522.555	
Cộng	298.517.020	298.517.020	3.567.064.200	3.567.064.200	

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ		
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	15.001	-	39.873.311	-	-	-	-	39.858.310	-	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.397.330	-	-	-	-	-	1.397.330	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	20.000.000	20.000.000	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	29.331.984.849	28.867.947.250	58.112.041.437	-	-	-	-	87.890.662	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.412.331	29.331.984.849	28.931.820.561	58.136.041.437	1.397.330	127.748.972	1.397.330	127.748.972		

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	74.324.639	146.394.720
- Chi phí lãi vay	74.324.639	146.394.720
b. Dài hạn	-	-
Cộng	74.324.639	146.394.720

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	75.390.779.897	6.811.132.637
- Kinh phí công đoàn	90.868.297	71.221.037
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	3.800.000.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.939.911.600	2.939.911.600
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	69.360.000.000	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Hà Nội (*)	69.360.000.000	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	75.390.779.897	6.811.132.637

(*) Là khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 668/2021/TTH-NHN ngày 15 tháng 6 năm 2021 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa Công ty và Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Hà Nội. Theo đó, hai bên cùng hợp tác đầu tư xây dựng, khai thác kinh doanh tại dự án tổ hợp siêu thị, văn phòng kết hợp nhà ở tại CT-8C khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

- Về phần vốn góp của các bên:
 - Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành được hai bên thống nhất là toàn bộ chi phí đầu tư ban đầu mà Công ty chi trả cho việc đầu tư phát triển Dự án cho tới thời điểm hợp đồng hợp tác đầu tư này được ký. Hai bên thống nhất ghi nhận giá trị khoản chi phí mà Công ty đã chi trả: 3.000.000.000 đồng, đây cũng là toàn bộ khoản vốn góp của Công ty tại Dự án.
 - Phần vốn góp của Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Hà Nội sẽ là toàn bộ vốn đầu tư còn lại của Dự án tính theo nhu cầu vốn của Dự án theo từng thời điểm. Sau khi dự án đủ điều kiện bán hàng, Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Hà Nội lập biên bản góp vốn vào Dự án và hai bên sẽ xác nhận số tiền góp của mỗi bên vào Dự án theo quy định.
- Cách thức phân chia kết quả kinh doanh:
 - Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành sẽ được phân chia kết quả kinh doanh (bao gồm cả vốn góp và lợi nhuận) bằng tiền có giá trị 3.000.000.000 đồng là số tiền góp vốn cộng thêm lợi nhuận được phân chia sau khi đã nộp thuế TNDN. Công ty không chịu bất kỳ một chi phí, lệ phí, thuế, thuế TNDN từ Dự án và/hoặc việc phân chia kết quả kinh doanh của Dự án.
 - Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Hà Nội được phân chia bằng toàn bộ kết quả kinh doanh còn lại sau thuế của dự án trừ đi phần đã phân chia cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	373.748.460.000	8.394.830.504	38.953.491.241	421.096.781.745
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	(13.145.103.813)	(13.145.103.813)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	373.748.460.000	8.394.830.504	25.808.387.428	407.951.677.932
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	3.240.543.144	3.240.543.144
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	373.748.460.000	8.394.830.504	29.048.930.572	411.192.221.076

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của các cổ đông	373.748.460.000	100	373.748.460.000	100
Cộng	373.748.460.000	100	373.748.460.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	373.748.460.000	373.748.460.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	373.748.460.000	373.748.460.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.374.846	37.374.846
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.374.846	37.374.846
+ Cổ phiếu phổ thông	37.374.846	37.374.846
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.374.846	37.374.846
+ Cổ phiếu phổ thông	37.374.846	37.374.846
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	8.394.830.504	8.394.830.504
Cộng	8.394.830.504	8.394.830.504

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
Doanh thu bán hàng hóa	95.168.629.674	72.866.606.341
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.300.000	113.000.000
Cộng	95.175.929.674	72.979.606.341

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh VIII.02)	1.400.000.000	-
02. Giá vốn hàng bán		
	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	90.843.352.477	71.502.315.802
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	4.509.200
Cộng	<u>90.843.352.477</u>	<u>71.506.825.002</u>
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.973.938	2.101.341.896
Cộng	<u>2.973.938</u>	<u>2.101.341.896</u>
04. Chi phí tài chính		
	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
- Lãi tiền vay	2.654.955.279	3.296.074.397
Cộng	<u>2.654.955.279</u>	<u>3.296.074.397</u>
05. Thu nhập khác		
	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
- Các khoản khác	2.000.003	898.766
Cộng	<u>2.000.003</u>	<u>898.766</u>
06. Chi phí khác		
	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
- Các khoản bị phạt chậm nộp	248.769	68.023.102
- Các khoản khác	-	66.889
Cộng	<u>248.769</u>	<u>68.089.991</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	2.148.681.617	2.752.049.384
- Chi phí nhân viên quản lý	327.092.750	1.061.970.923
- Chi phí vật liệu quản lý	2.410.758	1.072.728
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.750.702	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.303.576.050	1.330.120.582
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.613.600	268.313.023
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	37.237.757	86.572.128
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	793.122.329	605.703.818
- Chi phí nhân viên	593.122.329	604.201.549
- Các khoản chi phí bán hàng khác	200.000.000	1.502.269
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(4.500.000.000)	-
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(4.500.000.000)	
Cộng	(1.558.196.054)	3.357.753.202

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.240.543.144	(3.146.895.589)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.240.543.144	(3.146.895.589)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.374.846	37.374.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	87	(84)

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021.

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.240.543.144	(3.146.895.589)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.240.543.144	(3.146.895.589)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.374.846	37.374.846
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	87	(84)

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021.

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.410.758	1.072.728
- Chi phí nhân công	920.215.079	1.666.172.472
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.303.576.050	1.330.120.582
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.364.302	269.815.292
- Chi phí khác bằng tiền	241.237.757	90.572.128
- Chi phí dự phòng	(4.500.000.000)	-
Cộng	(1.558.196.054)	3.357.753.202

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</u>
Ông Nguyễn Hữu Trường - Chủ tịch HĐQT đến ngày 26/4/2021		
Tạm ứng	1.450.000.000	38.225.000.000
Hoàn ứng	4.373.267.820	43.652.000.000
Ông Nguyễn Văn Quyết - Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/4/2021		
Tạm ứng (chuyển từ khoản tạm ứng của ông		
Nguyễn Hữu Trường sang)	4.268.267.820	-
Hoàn ứng	2.075.000.000	-
Ông Phan Thanh Nam - Thành viên HĐQT kiêm TGD		
Tạm ứng	35.039.957.888	9.541.000.000
Hoàn ứng	34.864.884.500	4.536.000.000
Bà Đào Vũ Thịnh Vân - Kế toán trưởng		
Tạm ứng	8.155.000.000	-
Hoàn ứng	6.155.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị - Tạm ứng		
Ông Nguyễn Hữu Trường - Chủ tịch HĐQT đến	-	2.923.267.820
ngày 26/4/2021		
Ông Phan Thanh Nam - Thành viên HĐQT kiêm	353.505.408	182.511.920
TGD		
Ông Nguyễn Văn Quyết - Chủ tịch HĐQT từ	2.193.267.820	-
ngày 26/4/2021		
Bà Đào Vũ Thịnh Vân - Kế toán trưởng	2.000.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>4.546.773.228</u>	<u>3.105.779.740</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Phan Thanh Nam	Thành viên HĐQT kiêm TGD	58.674.000	-	58.674.000
Đào Vũ Thịnh Vân	Kế toán trưởng	59.574.000	-	59.574.000
Cộng		<u>118.248.000</u>	<u>-</u>	<u>118.248.000</u>
Kỳ trước				
Phan Thanh Nam	Thành viên HĐQT kiêm TGD	39.116.000	-	39.116.000
Trịnh Thị Tươi	Kế toán trưởng (miễn nhiệm tháng 9/2020)	58.080.000	-	58.080.000
Cộng		<u>97.196.000</u>	<u>-</u>	<u>97.196.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú là trưởng ban kiểm toán nội bộ Công ty
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Văn Anh	Là đơn vị mà Tiến Thành đang sở hữu 19,00% cổ phần
Công ty Cổ phần Gạch Ngói Kiên Giang	Là đơn vị mà Tiến Thành đang sở hữu 12,71% cổ phần

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
Bán hàng hóa	1.400.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Văn Anh	1.400.000.000	-
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	-	18.477.912.849
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Văn Anh	-	18.477.912.849

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.540.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Văn Anh	1.540.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.320.000.000	18.072.195.651
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Minh Văn Anh	8.320.000.000	12.039.199.997
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đông Thiên Phú	-	6.032.995.654
Cộng nợ phải thu	9.860.000.000	18.072.195.651

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Lĩnh vực dịch vụ: gia công hàng mã.

Hơn 99% doanh thu của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng.

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
 Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.669.705.726	-	25.001.629.351	-	(*)	(*)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	(*)	(*)
Phải thu khách hàng và phải thu khác	139.867.364.815	-	140.505.483.598	(4.500.000.000)	(*)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	(*)	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	89.016.870.000	-	89.016.870.000	-	(*)	(*)
Cộng	234.553.940.541	-	254.523.982.949	(4.500.000.000)		

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số đầu năm		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	298.517.020	3.567.064.200	(*)	(*)
Vay và nợ	63.466.922.720	65.140.432.497	(*)	(*)
Chi phí phải trả	74.324.639	146.394.720	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	75.299.911.600	3.871.221.037	(*)	(*)
Cộng	139.139.675.979	72.725.112.454		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

05. Tài sản đảm bảo*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ			
Nhà tại 21 Ngụy Như Kon Tum	27.663.250.000	2.960.746.719	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Nhà số 81-83 đường số 11, Khu dân cư Him Lam 6A	2.019.044.958	281.870.244	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Xe ô tô 7 chỗ kia 30E-26271	1.355.760.000	1.040.043.667	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Xuân Mai tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Xe ô tô Toyota land cruiser	1.600.000.000	1.222.222.210	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Xuân Mai tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Cộng	<u>32.638.054.958</u>	<u>5.504.882.840</u>	
Số đầu năm			
Nhà tại 21 Ngụy Như Kon Tum	27.663.250.000	2.565.557.433	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Nhà số 81-83 đường số 11, Khu dân cư Him Lam 6A	2.019.044.958	214.568.748	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Xe ô tô 7 chỗ kia 30E-26271	1.355.760.000	927.063.667	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Xuân Mai tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Xe ô tô Toyota land cruiser	1.600.000.000	1.088.888.878	Công ty thế chấp cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Xuân Mai tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản đảm bảo.
Cộng	<u>32.638.054.958</u>	<u>4.796.078.726</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	298.517.020	-		298.517.020
Vay và nợ	50.886.922.720	12.580.000.000	-	63.466.922.720
Chi phí phải trả	74.324.639	-		74.324.639
Các khoản phải trả khác	75.299.911.600	-		75.299.911.600
Cộng	<u>126.559.675.979</u>	<u>12.580.000.000</u>	<u>-</u>	<u>139.139.675.979</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	3.567.064.200	-	-	3.567.064.200
Vay và nợ	50.990.432.497	-	14.150.000.000	65.140.432.497
Chi phí phải trả	146.394.720	-	-	146.394.720
Các khoản phải trả khác	3.871.221.037	-	-	3.871.221.037
Cộng	<u>58.575.112.454</u>	<u>-</u>	<u>14.150.000.000</u>	<u>72.725.112.454</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP và thực hiện phân loại lại khoản phải thu của Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam đang trình bày tại khoản phải thu dài hạn khác sang phải thu ngắn hạn khác theo quy định, cụ thể:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo kiểm toán năm 2020	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại trên Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	329.568.499.461	34.203.000.000	363.771.499.461
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	158.862.579.249	34.203.000.000	193.065.579.249
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	3.150.297.137	34.203.000.000	37.353.297.137
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	185.774.084.562	(34.203.000.000)	151.571.084.562
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	34.209.000.000	(34.203.000.000)	6.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	216	34.209.000.000	(34.203.000.000)	6.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	515.342.584.023	-	515.342.584.023

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Huệ

Kế toán trưởng



Đào Vũ Thịnh Vân

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Nam

